

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 898/2024/HS-PT

Ngày: 24-9-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Ý

Ông Nguyễn Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 714/2024/TLPT-HS ngày 05/8/2024, đối với bị cáo Trương Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 930/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2024.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Trương Văn T**, sinh ngày 19/4/1984 tại tỉnh Bến Tre; Giới tính: nam; CCCD số 083084000355 cấp ngày 18/5/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Hộ khẩu thường trú: 6 N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi cư trú: 4 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: lớp 06/12; Con ông Trương Văn T1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Bị cáo sống chung như vợ chồng với bà Phạm Thị T2, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2022 Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 28/5/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2009, đã đóng án phí ngày 20/11/2004;

- Ngày 19/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2019, đã đóng án phí ngày 28/5/2014.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Cẩm T3, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Nguyễn Ngọc B nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng tháng 8/2023, Trần Nguyễn Ngọc B sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook tên Kim S tìm mua tiền giả để bán lại cho người khác nhằm thu lợi bất chính. Sau đó, B liên lạc, thỏa thuận với người (không rõ nhân thân lai lịch) trên Facebook tên C mua bán tiền giả toàn quốc để mua 24.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng với tỷ lệ 1 triệu tiền thật mua được 4 triệu tiền giả. Trưa ngày 03/8/2023, B đi đến công bến xe A thuộc huyện H, thành phố Hồ Chí Minh gặp nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) để sử dụng 6.000.000 đồng tiền thật mua 39.900.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng, 500.000 đồng (trong đó có 24.000.000 đồng tiền giả B đặt mua và 15.900.000 đồng tiền giả Bình được người bán cho thêm) được để bên trong 01 hộp giấy. Sau đó, B mang về nơi ở trọ Khu phố C, phường B, thành phố B và đếm lại số tiền giả trong hộp giấy được 39.900.000 đồng tiền giả (gom 111 tờ trong đó 52 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 59 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). Cùng ngày, B truy cập vào mạng xã hội Facebook sử dụng tài khoản tên Kim S đăng tải trên trang “Mua bán tiền giả” nội dung “1 triệu tiền thật đổi 3 triệu tiền giả” để tìm kiếm người có nhu cầu mua tiền giả. Đồng thời, B đăng ký tài khoản trên phần mềm “Giao hàng tiết kiệm” của Công ty cổ phần G tên “Linh kiện, thiết bị điện tử” để giao nhận khi mua bán tiền giả.

Đến ngày 07/8/2023, B nhận được 08 yêu cầu đặt mua tiền giả theo tỷ lệ 1 triệu tiền thật mua 3 triệu tiền giả của những người sử dụng tài khoản gồm: người tên T số điện thoại 0868686004 địa chỉ 456/1/23, B, phường N, thành phố V, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu mua 6.000.000 đồng tiền giả (10 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 08 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên nguyên thanh lộc số điện thoại 0385760585 địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh mua 6.000.000 đồng tiền giả (10 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 08 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên hùng số điện thoại 0931170537 địa chỉ: C - đường P, C7D, C13 P, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh mua 7.000.000 đồng tiền giả (05 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 12 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên truong tran số điện thoại 0345680363 địa chỉ 184/19 - đường N - Chung cư B, N, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh mua 2.900.000 đồng tiền giả (02 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 05 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên anh hai số điện thoại 0909463836 địa chỉ 361/15 (Lê 315-495) P, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh mua 10.000.000 đồng tiền giả (15 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 14 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên T số điện thoại 0764069954 địa chỉ 88 - T, S X Hà Nội, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh mua 2.200.000 đồng tiền giả (01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên trần thanh số điện thoại 0909034833 địa chỉ D20/39 V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh mua 3.000.000 đồng tiền giả (05 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng); Người tên Trương V Ky số điện thoại 0765.386433 địa chỉ 1047 đường H, Phường A, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh mua 2.800.000 đồng tiền giả (04 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng).

Sau khi nhận được các yêu cầu đặt mua tiền giả nêu trên, B đóng gói số tiền giả vào 08 kiện hàng và dán mã vận đơn để không cho người khác biết có tiền giả bên trong. Ngày 08/8/2023, B mang 08 kiện hàng chứa tiền giả trên đến kho hàng của Công ty cổ phần G tại khu tái định cư phường Q, thành phố B gửi đi các địa chỉ đã đặt trước đó. Trong 08 kiện hàng gửi đi, 07 kiện hàng không có người nhận, 01 kiện hàng do nhân viên tên Hoàng Văn V1 giao cho Trương Văn T số điện thoại 0868686004 địa chỉ 456/1/23, B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi của Trương Văn T như sau: T, sử dụng tài khoản Facebook tên Trương T truy cập và thấy tài khoản Facebook tên Kim S đăng thông tin bán tiền giả nên đặt mua 6.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng, T cung cấp địa chỉ, số điện thoại để B gửi tiền giả. Trưa ngày 09/8/2023, nhân viên tên Hoàng Văn V1 của Công ty cổ phần G đến giao hàng cho T, sau khi kiểm tra T thấy có 6.000.000 đồng tiền giả (10 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 08 tờ mệnh giá 500.000 đồng), thời điểm này có chị Trương Thị N (sinh năm 1982, nơi cư trú 456/1/23, B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chị gái của T) nên T không nhận kiện hàng tiền giả, không thanh toán tiền do sợ bị phát hiện. Đồng thời, T để V1 trả lại kiện hàng bên trong có tiền giả cho B mà không đến cơ quan chức năng để kịp thời ngăn chặn, xử lý việc lưu hành tiền giả ra ngoài xã hội, không ngăn cản hoặc trình báo, tố giác.

Ngày 15/8/2023, Công ty cổ phần G trình báo đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đồng thời 08 kiện hàng do B gửi bên trong có 111 tờ gồm 52 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 59 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Ngày 05/01/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Nguyễn Ngọc B tại ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh thu giữ 01 điện thoại hiệu Iphone màu đen số 0876349979; 01 thùng CPU màu trắng có chữ VSPTECH; 01 máy ép plastic.

Tại Kết luận giám định số 1940/KL-KTHS ngày 25/9/2023 của phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: “111 (một trăm mười một) tờ tiền Ngân hàng N1 nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A111) là tiền giả”.

Tại bản Cáo trạng số 100/CT-VKS-P1 ngày 13/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Nguyễn Ngọc B về tội “Tàng trữ lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trương Văn T về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Nguyễn Ngọc B; về về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 03/7/2024, bị cáo Trương Văn T kháng cáo xin hưởng án treo.

*Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Trương Văn T tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Văn T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự

phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trương Văn T đã rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc bị cáo T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Trương Văn T.

[2] Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định này.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Khoa**